

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HS-ST
Ngày: 03-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Chân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quốc Vũ;
2. Bà Hà Mộng Dung.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Khang, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020, tại Phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2020, đối với bị cáo:

Lưu Văn T, sinh năm 1978, tại: Tịnh Biên - An Giang; quê quán: Tịnh Biên - An Giang; nơi thường trú: tổ 6, khóm X, thị trấn T, huyện B, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn T (sinh năm 1963) và bà Nguyễn Thị L (sinh năm 1963); vợ Tô Hồng Q (sinh năm 1991); có 01 con sinh năm 2010; anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ 02.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 11/3/2020 cho đến nay, có mặt.

Bị hại: Tạ Văn Đ, sinh năm 1997; địa chỉ: khóm X, thị trấn T, huyện B, tỉnh An Giang; **có mặt.**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Lê Út H, sinh năm 1991; địa chỉ: tổ 3, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang; **vắng mặt**.

- Phan Tấn Đ, sinh năm 1978; địa chỉ: tổ 14, khóm C, phường B, thành phố C, tỉnh An Giang; có mặt.

Người làm chứng:

- Trương Nhật T, sinh năm 1974; **vắng mặt**.

- Nguyễn Thị L, sinh năm 1963; **vắng mặt**.

- Tăng Thị S, sinh năm 1958; **vắng mặt**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 30/12/2019, Tạ Văn Đ đến nhà bị cáo tại thị trấn T, huyện B, tỉnh An Giang đòi nợ. Do không có tiền trả nên bị cáo nhờ Đ điều khiển xe mô tô, biển số 67D1 - 473.10 của Đ, chở bị cáo đến thành phố C để tìm người quen mượn tiền, trả Đ. Khi đến Châu Đốc, do còn khuya, bị cáo và Đ thuê phòng ngủ tại nhà trọ “*Thanh Mai*” (tổ 02, khóm Châu Quới 3, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc). Đến khoảng 06 giờ ngày 30/12/2019, bị cáo mượn xe mô tô của Đ đi tìm L (bạn của bị cáo), để mượn tiền, nhưng không gặp. Khi này, bị cáo có ý định chiếm đoạt xe, nên điều khiển xe của Đ đến nhờ Trương Nhật T (bạn của bị cáo) giới thiệu cầm xe mô tô cho Lê Út H, giá 20.000.000 đồng. Bị cáo dùng tiền sang Casino, Vương quốc Campuchia, tham gia đánh bạc, thua H. Sau đó, bị cáo nhờ H giới thiệu bán xe cho Phan Tấn Đ, giá 22.000.000 đồng. Bị cáo lấy tiền trả cho H 20.000.000 đồng tiền cầm xe và 500.000 đồng tiền lời, còn 1.500.000 đồng, bị cáo tiếp tục thua bạc.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô, nhãn hiệu FUTURE X, màu trắng - bạc - đen - vàng, biển số 67D1 - 473.10, kèm giấy chứng nhận đăng ký xe, do Cơ quan điều tra thu hồi, Phan Tấn Đ giao nộp (đã trao trả cho bị hại Tạ Văn Đ); 500.000 đồng của Lê Út H giao nộp (chuyển Cơ quan Thi hành án dân sự).

Căn cứ Kết luận số 34/KL-ĐG ngày 17/01/2020 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Châu Đốc, ghi nhận: Xe mô tô, nhãn hiệu FUTURE X, biển số 67D1 - 473.10, thu giữ trong vụ án, trị giá 18.000.000 đồng.

Ngày 27/02/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Châu Đốc khởi tố vụ án, khởi tố bị can.

Quá trình điều tra, bị hại đã nhận lại xe, không yêu cầu bị cáo bồi thường; ông Lê Út H nộp lại cho Cơ quan điều tra 500.000 đồng do bị cáo giao; ông Phan Tấn Đ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 22.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 36/CT-VKSCĐ ngày 15/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố Lưu Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố, không có ý kiến tranh luận. Bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại cho ông Đ số tiền 22.000.000 đồng. Trong lời nói sau cùng bị cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra và phù hợp với vật chứng thu giữ; Kết luận định giá; Biên bản khám nghiệm hiện trường; lời khai bị hại, những người làm chứng, người liên quan; cùng những tài liệu, chứng cứ khác đã được Cơ quan điều tra thu thập đúng trình tự, thủ tục luật định.

Từ đó, có đủ căn cứ để chứng minh Lưu Văn T đã có hành vi lợi dụng lòng tin của Tạ Văn Đ, sau khi mượn xe mô tô, trị giá 18.000.000 đồng, đem cầm, bán, sử dụng vào mục đích đánh bạc trái phép dẫn đến không khả năng trả lại tài sản.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thuộc thành phần nhân dân lao động nghèo. Nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ các căn cứ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 175; các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lưu Văn T 09 tháng đến 01 năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Về Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Tiếp tục tạm giữ số tiền 500.000 đồng do Lê Út H giao nộp để bảo đảm thi hành nghĩa vụ liên đới trách nhiệm dân sự.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lưu Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Út H cùng liên đới bồi thường cho có trách nhiệm bồi thường cho Phan Tấn Đ, số tiền bị thiệt hại 22.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng,

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[2] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lê Út H và tất cả những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng đều vắng mặt. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Về nội dung,

[3] Hành vi phạm tội:

Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng vụ án được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập và thẩm tra tại phiên tòa như: biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, biên bản khám nghiệm hiện trường; kết luận định giá tài sản, có căn cứ xác định:

Vào khoảng 06 giờ ngày 30/12/2019, tại nhà trọ “*Thanh Mai*” thuộc tổ 02, khóm Châu Quới 3, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, bị hại cho bị cáo mượn xe mô tô biển số 67D1 - 473.10 để bị cáo tìm bạn mượn tiền. Khi không tìm được bạn, bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của bị hại, nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của bị hại nên đã điều khiển xe đến gặp T, nhờ T giới thiệu cầm xe cho H, bán cho Đ và thu 22.000.000 đồng. Bị cáo dùng số tiền có được đánh bạc, thua H, dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản cho bị hại. Theo Kết luận số 34/KL-ĐG ngày 17/01/2020 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Châu Đốc, tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị 18.000.000 đồng.

Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích có tiền đánh bạc; xâm phạm quan hệ về sở hữu tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ. Do đó, có căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự như nội dung cáo trạng truy tố.

[4] Xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; thuộc thành phần lao động. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có xem xét áp dụng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo trong khi lượng hình.

[5] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội với mục đích có tiền đánh bạc. Cần áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Bị cáo không có nghề nghiệp, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Ông Đ đã nhận lại xe mô tô biển số 67D1 - 473.10, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Bị cáo bán cho ông Đ xe mô tô biển số 67D1 - 473.10 là tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác, do hành vi phạm tội mà có nên giao dịch mua bán xe giữa bị cáo và ông Đ là vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật. Mặt khác, ông Đ yêu cầu bị cáo bồi thường cho ông số tiền 22.000.000 đồng, không yêu cầu ông H, tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường, Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của ông Đ, buộc bị cáo trả cho ông Đ 22.000.000 đồng. Ông H không phải có trách nhiệm cùng bị cáo liên đới bồi thường cho ông Đ số tiền 22.000.000 đồng như đề nghị của Viện kiểm sát.

[7] Về xử lý vật chứng:

Xe mô tô biển số 67D1 - 473.10 là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị hại, cơ quan điều tra giao trả cho bị hại là đúng quy định pháp luật.

Đối với 500.000 đồng do ông H giao nộp là số tiền do hành vi bán tài sản chiếm đoạt của bị hại mà có. Xét, tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Vấn đề khác: Giáo dục tại phiên tòa đối với Lê Út H và Phan Tấn Đ về hành vi cầm, mua xe mô tô không rõ nguồn gốc.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 175; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo: Lưu Văn T phạm tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”;

Xử phạt: Bị cáo Lưu Văn T: 01 (một) năm tù

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày tạm giữ 11/3/2020 (*mười một, tháng ba, năm hai nghìn không trăm hai mươi*).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng do Lê Út H giao nộp.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 23 tháng 4 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an nhân dân thành phố Châu Đốc với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc).

Căn cứ các Điều 123, 131 luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Lưu Văn T có trách nhiệm trả cho ông Phan Tấn Đ 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng.

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lưu Văn T phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.100.000 (*một triệu một trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Chân